TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ GÒ CÔNGĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Mẫn;

2. Bà Bùi Thu Hảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên toà: bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 234/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quế T, sinh năm: 1979;
Địa chỉ: B Đại Đội C, Khu phố C, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh Bành Vĩnh C, sinh năm: 1977;
Địa chỉ: B Đại Đội C, Khu phố C, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 1997, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường A, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 021/HT, Quyển số: 01/97 vào ngày 15/12/1997. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị và anh C có ngồi lại nói chuyện nhưng không hàn gắn được nên cả hai chọn cách im lặng,

mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai; anh chị đã ly thân 03 năm. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Bành Cường T1, sinh ngày 11/12/1999 (đã trưởng thành) và Bành Gia T2, sinh ngày10/4/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Gia T2, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Bành Vĩnh C có địa chỉ tại phường A, thành phố G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị T xin ly hôn với anh C, yêu cầu nuôi con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh C chung sống với nhau từ năm 1997, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường A, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 021/HT, Quyển số: 01/97 vào ngày 15/12/1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm ai, chị và anh C đã ly thân 03 năm nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Trong quá trình giải quyết, anh C đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh C không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh C không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị T và anh C đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và anh C.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Bành Cường T1, sinh ngày 11/12/1999 (đã trưởng thành) và Bành Gia T2, sinh ngày 10/4/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Gia T2, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu Gia T2 đang sống cùng chị T và cháu Gia T2 cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án anh C cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Qua xác nhận tại địa phương thì con chung đang sống cùng chị T, chị làm công nhân, thu nhập kinh tế ổn định đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Gia T2 cho chị Nguyễn Thị Quế T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

Riêng Bành Cường T1, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết nên hội đồng không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quế T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quế T được ly hôn với anh B Vĩnh Cường

2. Về con chung: Tiếp tục giao 01 người con chung tên Bành Gia T2, sinh ngày10/4/2009 cho chị Nguyễn Thị Quế T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Bành Vĩnh C không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì anh C, chị T được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

Riêng Bành Cường T1, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quế T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0001059 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Bành Vĩnh C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND phường 1;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo